

PRESERVING AND PROMOTING DAO RITUALS IN VIETNAM'S NORTHWESTERN REGION THROUGH COMMUNITY-BASED TOURISM ACTIVITIES AT THE LOCAL LEVEL

Dang Thi Oanh*, Do Thi Oanh

TNU – Lao Cai Campus

| ARTICLE INFO | | ABSTRACT |
|-------------------------|------------|--|
| Received: | 02/12/2025 | The rituals of the Dao people in the Northwest region of Vietnam constitute a distinctive system of cultural - spiritual practices that reflects their relationships with ancestors, deities, and the supernatural world. These rituals form a rich repository of cultural heritage that plays an essential role in shaping the community's spiritual life and identity, while also serving as a unique resource for tourism development. In the context of industrialization and modernization, this cultural heritage is facing the risk of degradation and loss. This article proposes an approach to safeguarding and promoting Dao ritual heritage in Northwest Vietnam through the development of community-based tourism - a model that not only contributes to the preservation of cultural values but also creates sustainable livelihoods for local residents. Using methods such as literature review, ethnographic fieldwork, in-depth interviews, analysis-synthesis, and SWOT analysis, the study identifies the strengths, weaknesses, opportunities, and threats related to the Dao ritual system. It also recommends solutions to effectively preserve and promote these rituals, aiming toward sustainable community-based tourism development in the localities where Dao communities reside. |
| Revised: | 31/12/2025 | |
| Published: | 31/12/2025 | |
| KEYWORDS | | |
| Preservation | | |
| Promotion | | |
| Rituals | | |
| Dao people | | |
| Community-based tourism | | |

BẢO TỒN, PHÁT HUY NGHI LỄ CỦA NGƯỜI DAO Ở TÂY BẮC VIỆT NAM QUA CÁC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Đặng Thị Oanh*, Đỗ Thị Oanh

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai

| THÔNG TIN BÀI BÁO | | TÓM TẮT |
|-------------------|------------|---|
| Ngày nhận bài: | 02/12/2025 | Nghi lễ của người Dao ở Tây Bắc Việt Nam là hệ thống thực hành văn hóa – tín ngưỡng đặc sắc, phản ánh mối quan hệ giữa con người với tổ tiên, thần linh và thế giới siêu nhiên. Đây là kho tàng di sản văn hóa có giá trị quan trọng trong đời sống tinh thần và bản sắc của cộng đồng; đồng thời đây cũng là nguồn tài nguyên du lịch độc đáo. Trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, di sản văn hóa này đã và đang đứng trước nguy cơ mai một. Bài viết đề xuất hướng tiếp cận bảo tồn gắn với phát huy di sản nghi lễ người Dao ở Tây Bắc Việt Nam thông qua phát triển du lịch cộng đồng – một mô hình hiệu quả vừa góp phần gìn giữ giá trị văn hóa, vừa tạo sinh kế bền vững cho người dân. Bằng các phương pháp nghiên cứu tài liệu, điền dã dân tộc học, phỏng vấn sâu, phân tích – tổng hợp, phân tích SWOT, bài viết đã chỉ ra điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội, thách thức và đưa ra các giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy hiệu quả hệ thống nghi lễ của người Dao, hướng tới phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại địa phương. |
| Ngày hoàn thiện: | 31/12/2025 | |
| Ngày đăng: | 31/12/2025 | |
| TỪ KHÓA | | |
| Bảo tồn | | |
| Phát huy | | |
| Nghi lễ | | |
| Người Dao | | |
| Du lịch cộng đồng | | |

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14139>

* Corresponding author. Email: dangthioanh@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Nghi lễ của người Dao ở Tây Bắc Việt Nam là hệ thống các thực hành văn hóa – tín ngưỡng được cộng đồng người Dao duy trì qua nhiều thế hệ, nhằm kết nối con người với thế giới tổ tiên, thần linh và các lực lượng siêu nhiên. Các nghi lễ này bao gồm những quy tắc, trình tự, bài cúng, âm nhạc nghi lễ, biểu tượng và hành vi mang tính thiêng, được thực hiện trong các sự kiện quan trọng của đời người (sinh nở, trưởng thành, cưới hỏi, tang ma), chu kỳ sản xuất nông nghiệp, lễ hội cộng đồng, cũng như các nghi lễ tôn giáo đặc thù như Cấp sắc. Nghi lễ của người Dao không chỉ thể hiện thế giới quan và nhân sinh quan của tộc người mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì bản sắc tộc người, giáo dục đạo lý, cố kết cộng đồng và bảo tồn tri thức văn hóa truyền thống.

Hệ thống các nghi lễ của người Dao là kho tàng di sản văn hóa quý giá, từ lâu đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong nước, với số lượng công trình phong phú, đa dạng về chủ đề và phạm vi khảo sát, như:

Các nghiên cứu về tập quán sinh đẻ – nuôi con thơ của người Dao (trong đó có các nội dung nghi lễ), có thể kể đến các công trình nghiên cứu tiêu biểu như Trần Minh Hằng [1] mô tả quá trình chăm sóc thai sản của người Dao ở Yên Bái từ lúc mang thai đến lúc sinh nở; Phạm Quang Hoan [2] mô thuật và phân tích các tập quán, điều kiêng kị theo quá trình: từ lúc mang thai đến lúc sinh nở và nuôi con thơ của người Dao ở Hà Giang; Trần Thùy Dương [3] mô thuật các nghi thức nhận con nuôi, trách nhiệm của người con nuôi và cha mẹ nuôi; ý nghĩa của tục lệ này trong đời sống của người Dao Tuyển ở Lào Cai;...

Các nghiên cứu về nghi lễ Cấp sắc được đề cập tới trong nhiều nghiên cứu. Trên cơ sở mô thuật những nét khái quát về nghi lễ Cấp sắc và tang ma của người Dao Tuyển ở huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Phan Thị Hằng [4] chỉ ra những nét độc đáo, tiêu biểu của hai nghi lễ này. Phan Ngọc Khuê [5] đã mô thuật những nét cơ bản trong nghi lễ Cấp sắc của người Dao Lô Gang và phân tích những giá trị văn hóa – nghệ thuật được biểu hiện thông qua nghi lễ, đặc biệt là các giá trị đạo đức lễ nghi của người trưởng thành. Lý Hành Sơn [6] phân tích sâu sắc, làm rõ bản sắc văn hóa người Dao được biểu hiện qua lễ Cấp sắc, đó là các giá trị văn hóa – nghệ thuật, lịch sử – xã hội, tôn giáo – tín ngưỡng và đạo đức của người Dao...

Nghi lễ Cưới xin - hôn nhân cũng là một trong những chủ đề có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến dưới dạng chuyên khảo. Nguyễn Mạnh Hùng [7] đã mô thuật các bước trong nghi thức đám cưới của người Dao Nga Hoàng, đặc biệt là bước đón cô dâu về nhà chồng có nhiều nghi thức đặc biệt. Tân Kim Phú [8] đã khái quát các nghi thức chính trong tập quán cưới xin, tang ma của người Dao Khâu ở Sìn Hồ, Lai Châu, đồng thời có những lí giải về nguồn gốc của một số nghi lễ...

Nghi lễ tang ma của người Dao cũng là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Cách thức tổ chức các nghi thức này bên cạnh việc phản ánh tôn giáo, tín ngưỡng - đạo giáo của tộc người về hồn, xác, thế giới bên kia, những giáo lý đạo đức đối với người đã khuất,... cũng có nhiều điểm khác biệt giữa các ngành Dao ở các địa phương. Tiêu biểu là các công trình “Tang lễ của người Dao Tuyển ở Lào Cai” [9]; “Tang ma của người Dao Họ xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai” [10]; “Nghi lễ ma chay của người Dao Tiên ở Ba Bề, Cao Bằng” [11]. Các nghiên cứu trên, bên cạnh việc mô thuật các nghi thức trong tang lễ với những điều kiêng kị cần tránh để tránh rủi ro và linh hồn người chết thuận lợi đi gặp được tổ tiên;...

Bên cạnh các nghi lễ vòng đời nêu trên của người Dao, một số các lễ tết khác: Tết nhảy, Đón năm mới, Nhà mới, Cúng rừng,... của người Dao cũng được đề cập tới trong các công trình nghiên cứu có tính chuyên khảo. Các công trình tiêu biểu gồm có “Lễ Tết nhảy (Giàng Châu đạo) của dân tộc Dao Đỏ ở Sa Pa” [12], “Tết nhảy của người Dao Quần Chẹt trong phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên” [13]. Hai nghiên cứu này đều viết về Tết nhảy của người Dao, điểm giống nhau đều là nghi lễ lớn thờ Bàn Vương, tổ chức tại nhà trưởng họ để tạ ơn tổ tiên, cầu bình an, với hệ thống múa – nhảy và lời khấn thiêng liêng. Khác nhau chủ yếu ở thời điểm và hình thức: Dao Đỏ thường làm vào mùng 1-2 Tết Nguyên đán, nhấn mạnh các điệu nhảy dẫn đường – bắt cầu cho tổ tiên; Dao Quần Chẹt thường làm cuối năm, có quy ước luân phiên theo dòng họ, nổi bật với múa cờ, múa kiếm, múa chuông và “tế rùa”. Sự khác biệt này phản ánh đặc trưng văn hóa

từng nhóm Dao, dù cùng chung nền tảng tín ngưỡng và hệ giá trị nghi lễ. Nghiên cứu của Bùi Duy Chiến [14] cũng mô thuật một số nghi thức trong các lễ cúng có liên quan đến rừng của người Dao Đỏ ở Lào Cai. Đặc biệt tác giả Lý Hành Sơn [15] đã khẳng định những nghi lễ này rất có giá trị về di sản văn hóa, cần có những giải pháp phù hợp với thực tiễn mỗi địa phương để bảo tồn và phát huy giá trị các nghi lễ đó từ nhiều góc độ. Tác giả Hoàng Thị Bình [16] đã tập trung phân tích các giá trị di sản văn hóa đặc sắc của người Dao Đỏ ở bản Tả Phìn và cách liên kết các giá trị đó với phát triển du lịch bền vững. Nhóm tác giả Trần Hữu Sơn, Đặng Thị Oanh và cộng sự [17] đã sưu tầm nghiên cứu, chỉ ra các giá trị và đề xuất giải pháp để bảo tồn bền vững các nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao trong cộng đồng Dao ở Việt Nam;...

Bên cạnh các công trình nghiên cứu của các tác giả người Việt Nam, các học giả Trung Quốc cũng đạt nhiều thành tựu nghiên cứu đáng kể về người Dao nói chung, nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao nói riêng. Tiêu biểu có thể kể đến các tác phẩm: “Truyện Đặng Hành và Bàn Đại Hộ” [18], “Dân ca Dao” [19]; “Di cư của người Dao xuống biên giới Tây Nam Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á trong thời kỳ Minh, Thanh” [20], “Nhìn lại và triển vọng về việc nghiên cứu Dao học Trung Quốc từ cuộc cải cách mở cửa” [21];...

Các học giả người Thái Lan, như Lemone J nổi tiếng với nghiên cứu về “Tranh thờ người Dao” [22]; học giả người Mỹ Sowerwine Jennifer với nghiên cứu “Sự biến đổi môi trường sinh thái chính trị của người Dao: Khu vực cư trú, giới và môi trường chính trị ở vùng cao Việt Nam” [23]; học giả người Pháp Georges Condominas với nghiên cứu: “The First French Publications on the Yao”, trong “The Yao of South China – Pangu” [24];...

Qua tìm hiểu tổng quan cho thấy nội dung chủ yếu trong các công trình nghiên cứu về nghi lễ của người Dao thường là mô tả, phân tích giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học của các nghi lễ. Các bài viết/ công trình nghiên cứu đặt nghi lễ của người Dao vào mối quan hệ với phát triển du lịch nói chung, du lịch cộng đồng nói riêng chiếm tỷ lệ hạn chế. Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu “Bảo tồn, phát huy nghi lễ của người Dao ở Tây Bắc Việt Nam qua các hoạt động du lịch cộng đồng tại địa phương” hướng tới phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức khi đưa các nghi lễ của người Dao vào hoạt động du lịch cộng đồng; đánh giá vai trò của nghi lễ trong việc phát triển sinh kế và nâng cao năng lực cộng đồng; đồng thời đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy di sản nghi lễ phù hợp với bối cảnh phát triển du lịch hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này được thực hiện với sự phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Để có thể hệ thống hóa và chọn lọc tư liệu từ các công trình đã nghiên cứu về nghi lễ người Dao, tri thức bản địa, du lịch cộng đồng, bảo tồn di sản văn hóa và xác định khoảng trống nghiên cứu và cơ sở lý luận cho bài viết, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, nghiên cứu các sách dân tộc học, tôn giáo học, văn hóa học; công trình nghiên cứu về người Dao; báo cáo địa phương, hồ sơ di sản và các tài liệu về phát triển du lịch cộng đồng và du lịch bền vững.

2.2. Phương pháp điền dã dân tộc học

Để tăng độ tin cậy cho dữ liệu và phát hiện những điểm mới trong giao thoa giữa nghi lễ truyền thống và hiện đại, đồng thời để hiểu rõ hơn bối cảnh thực hành nghi lễ trong cộng đồng, tác giả bài viết sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học: quan sát tham dự các nghi lễ như Cáp sắc, lễ Cúng rừng, lễ cơm mới, Tết nhảy... tại xã Nghĩa Tâm, Phúc Khánh (tỉnh Lào Cai) và xã Bình Lư (tỉnh Lai Châu) để ghi chép hiện trường, thu thập dữ liệu trực tiếp về không gian, nhân vật, diễn trình nghi lễ... phục vụ phân tích các hình thức diễn xướng và giá trị của các nghi lễ.

2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Để thu thập tri thức bản địa về các nghi lễ của người Dao, cũng như quan niệm của họ về vai trò của các nghi lễ trong đời sống của họ, bài viết sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để phỏng

văn nghệ nhân, thầy cúng người Dao và một số cán bộ địa phương tại Nghĩa Tâm, Xuân Hòa, Phúc Khánh (tỉnh Lào Cai), xã Bình Lư, Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu). Thông tin thu được từ các thầy cúng nghệ nhân về các lễ cúng của người Dao được tổng hợp, so sánh, lựa chọn để viết bài.

2.4. Phương pháp phân tích – tổng hợp

Tác giả sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp để kết nối dữ liệu từ các nguồn khác nhau, rút ra kết luận, xu hướng và kiến nghị, đồng thời hình thành hệ thống giải pháp bảo tồn và phát huy nghi lễ phù hợp với du lịch cộng đồng.

2.5. Phân tích SWOT

Để có thể đánh giá tổng hợp hiện trạng bảo tồn nghi lễ gắn với du lịch cộng đồng, tác giả bài viết sử dụng phân tích SWOT, chỉ ra những điểm mạnh về giá trị văn hóa, không gian bản làng, nghệ nhân; điểm yếu liên quan đến việc suy giảm người kế cận, nguy cơ sân khấu hóa; cơ hội về nhu cầu du lịch trải nghiệm, chính sách bảo tồn; thách thức về thương mại hóa, cạnh tranh điểm đến, biến đổi văn hóa... Từ đó xây dựng giải pháp chiến lược hiệu quả và bền vững trong khai thác di sản văn hóa người Dao phục vụ phát triển du lịch cộng đồng.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Vài nét về hoạt động bảo tồn và lưu truyền các nghi lễ của người Dao ở Tây Bắc

Hiện nay, việc bảo tồn và lưu truyền các nghi lễ của người Dao đang đối mặt với nhiều thách thức. Quá trình đô thị hóa, di cư lao động, thu hẹp không gian rừng thiêng và biến đổi môi trường sống khiến nhiều nghi lễ không còn điều kiện thực hành như trước. Lực lượng thầy cúng, nghệ nhân am hiểu dân ca nghi lễ ngày càng ít; lớp trẻ ít quan tâm đến việc học chữ Nôm Dao, học các bài cúng hay tham gia nghi thức truyền thống. Qua số liệu khảo sát tại các địa phương Lào Cai, Yên Bái (cũ) và Lai Châu cho thấy, số lượng thầy cúng đã giảm hơn một nửa. Sự đứt gãy dòng truyền thụ tri thức đang diễn ra rõ rệt, khiến nhiều nghi lễ không còn được tái hiện đầy đủ, thậm chí bị giản lược hoặc “mất đoạn” trong thực hành.

Để bảo tồn hiệu quả và bền vững, một trong những giải pháp thiết thực và khả thi là kết hợp bảo tồn với phát huy di sản trong phát triển du lịch cộng đồng – một hướng đi vừa gìn giữ được giá trị văn hóa, vừa mang lại sinh kế cho cộng đồng.

Du lịch cộng đồng là mô hình phát triển du lịch dựa trên sự tham gia trực tiếp của người dân địa phương, khai thác các giá trị văn hóa – sinh thái bản địa để tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng. Trong bối cảnh di sản văn hóa đứng trước nhiều sức ép của hiện đại hóa, du lịch cộng đồng trở thành một cơ chế quan trọng giúp bảo tồn và phục hồi các giá trị truyền thống. Thông qua hoạt động du lịch, các nghi lễ, nghề thủ công, ẩm thực, trang phục, dân ca – dân vũ được tái hiện trong môi trường sống thực, giúp cộng đồng có thêm động lực duy trì và truyền dạy cho thế hệ trẻ. Đối với người Dao, du lịch cộng đồng vừa mở ra cơ hội quảng bá các nghi lễ đặc sắc như Cấp sắc, Tết nhảy, lễ cơm mới hay Cúng rừng, vừa tạo ra nguồn lực tài chính để duy trì không gian sinh hoạt văn hóa và hỗ trợ nghệ nhân, thầy cúng tiếp tục hành nghề. Nhờ sự tương tác giữa du khách và cộng đồng, các nghi lễ của người Dao được nhìn nhận như tài sản chung cần gìn giữ, góp phần làm sống lại tri thức bản địa và củng cố bản sắc văn hóa trong phát triển hiện nay.

Tuy vậy, việc bảo tồn nghi lễ của người Dao thông qua du lịch cộng đồng hiện nay vẫn còn nhiều thách thức. Ví dụ: Một số nghi lễ bị giản lược, sân khấu hóa để phục vụ du khách, làm suy giảm tính thiêng và ý nghĩa nguyên gốc. Năng lực tổ chức của cộng đồng còn hạn chế, thiếu cơ chế hướng dẫn để phân biệt ranh giới giữa “trình diễn văn hóa” và “thực hành tín ngưỡng”. Nguồn thu từ du lịch chưa ổn định nên khó tạo động lực lâu dài cho nghệ nhân và thầy cúng tham gia bảo tồn. Đồng thời, áp lực thương mại hóa cũng có nguy cơ làm biến dạng các giá trị tinh thần của nghi lễ Dao. Làm thế nào để có thể vừa bảo tồn được nghi lễ người Dao vừa khai thác di sản này vào phục vụ phát triển du lịch cộng đồng là một vấn đề cấp thiết được chính quyền các cấp và các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, thực hiện.

3.2. Đánh giá SWOT việc bảo tồn, phát huy nghi lễ người Dao ở Tây Bắc Việt Nam thông qua các hoạt động du lịch cộng đồng

3.2.1. Điểm mạnh

Di sản nghi lễ của người Dao sở hữu những giá trị đặc sắc tạo lợi thế lớn cho phát triển du lịch cộng đồng. Trước hết, hệ thống nghi lễ như lễ Cấp sắc, nghi lễ sinh đẻ – cưới xin, cúng làng,... cùng diễn xướng dân ca thể hiện chiều sâu lịch sử, tôn giáo và nghệ thuật. Đây là những giá trị văn hóa độc đáo, hiếm gặp, tạo sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách quan tâm đến văn hóa bản địa. Thứ hai, các nghi lễ và dân ca của người Dao mang tính diễn xướng mạnh, giàu tính trực quan, dễ chuyển hóa thành các sản phẩm trải nghiệm cho du khách hoặc trình diễn văn hóa trong không gian du lịch. Sự kết hợp giữa âm nhạc, múa, đạo cụ và lời ca giúp hoạt động diễn giải văn hóa trở nên sinh động, dễ tiếp cận.

Bên cạnh đó, bản làng của người Dao thường nằm trong các không gian tự nhiên đẹp, giàu cảnh quan núi rừng còn giữ được kiến trúc truyền thống và môi trường sinh thái nguyên sơ. Điều này tạo nên không gian lí tưởng để phát triển du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm văn hóa. Hơn nữa, cộng đồng người Dao có truyền thống cố kết xã hội bền chặt; vai trò của thầy cúng, nghệ nhân được tôn trọng, giúp việc huy động cộng đồng tham gia truyền dạy và phục dựng di sản trở nên thuận lợi hơn so với nhiều dân tộc khác.

3.2.2. Điểm yếu

Mặc dù có nhiều lợi thế, việc khai thác di sản nghi lễ người Dao vẫn tồn tại những hạn chế nội tại. Một trong những điểm yếu lớn nhất là nguy cơ thương mại hóa quá mức khi di sản được đưa vào du lịch. Một số nghi lễ khi trình diễn cho du khách có thể bị rút gọn, giản lược hoặc thay đổi để phù hợp với thời gian và thị hiếu, từ đó làm suy giảm tính thiêng và ý nghĩa nguyên bản. Bên cạnh đó, lực lượng nghệ nhân và thầy cúng – những người giữ vai trò truyền tải tri thức văn hóa – đang già hóa nhanh chóng, trong khi lớp trẻ ít quan tâm hoặc đi làm ăn xa, khiến nguồn nhân lực kế cận bị suy giảm nghiêm trọng.

Một điểm yếu khác là nhiều cộng đồng chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng du lịch, kỹ năng thuyết minh và diễn giải văn hóa. Người dân có thể thực hành nghi lễ rất giỏi nhưng khó giải thích cho du khách bằng ngôn ngữ phù hợp. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ở nhiều bản Dao còn hạn chế, thiếu không gian trình diễn bài bản, thiếu nhà cộng đồng hoặc khu vực quy hoạch rõ ràng cho hoạt động văn hóa – du lịch. Những yếu tố này làm giảm chất lượng sản phẩm du lịch và hạn chế khả năng đón khách.

3.2.3. Cơ hội

Việc khai thác di sản nghi lễ người Dao trong phát triển du lịch cộng đồng đứng trước nhiều cơ hội thuận lợi. Trên bình diện vĩ mô, xu hướng du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa, du lịch học tập và du lịch chữa lành đang tăng mạnh tại Việt Nam và quốc tế. Điều này mở ra một thị trường lớn dành cho các sản phẩm văn hóa đặc thù như: trải nghiệm thảo dược, tìm hiểu nghi lễ truyền thống. Bên cạnh đó, Nhà nước hiện có nhiều chính sách hỗ trợ bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, phát triển OCOP văn hóa, đầu tư hạ tầng du lịch nông thôn và hỗ trợ nghệ nhân. Đây là nguồn lực quan trọng giúp các địa phương có đồng người Dao phát triển mô hình bảo tồn – du lịch một cách bài bản.

Ngoài ra, sự tham gia ngày càng nhiều của các trường đại học, viện nghiên cứu và dự án phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho việc tư liệu hóa, số hóa di sản, đào tạo hướng dẫn viên, xây dựng sản phẩm du lịch chuẩn hóa. Công nghệ số cũng mang đến cơ hội mở rộng thị trường thông qua các nền tảng trực tuyến, tour ảo hoặc thuyết minh số. Những cơ hội này không chỉ giúp di sản được bảo tồn bền vững mà còn tạo điều kiện lan tỏa rộng rãi ra ngoài cộng đồng.

3.2.4. Thách thức

Song song với cơ hội, việc khai thác di sản nghi lễ người Dao trong du lịch cũng đối mặt nhiều thách thức. Nguy cơ lớn nhất là sự biến dạng văn hóa khi nghi lễ bị trình diễn không đúng

bản chất hoặc bị điều chỉnh theo hướng chiều thị hiếu du khách. Khi sự thiêng bị đánh mất, di sản không chỉ mất đi giá trị mà còn ảnh hưởng đến niềm tin và bản sắc của cộng đồng. Thêm vào đó, lượng khách du lịch lớn có thể gây áp lực lên môi trường và không gian bản làng, làm thay đổi nhịp sống và gây “ô nhiễm văn hóa”.

Cạnh tranh giữa các điểm du lịch cộng đồng cũng là một thách thức rõ rệt. Nhiều bản Dao phát triển sản phẩm tương tự, khiến thị trường dễ trở nên trùng lặp, thiếu sự khác biệt. Trong dài hạn, nguy cơ thất truyền tri thức văn hóa vẫn tiếp tục hiện hữu nếu không có chiến lược đào tạo lớp kế cận và cơ chế truyền dạy phù hợp. Mặt khác, tác động của kinh tế thị trường có thể khiến người dân ưu tiên các hoạt động mang lại lợi ích nhanh, làm giảm sự quan tâm tới di sản truyền thống hoặc phụ thuộc quá nhiều vào doanh nghiệp du lịch, dẫn tới mất quyền chủ động trong quản lý văn hóa.

3.3. Định hướng bảo tồn, phát huy nghi lễ người Dao gắn với các hoạt động du lịch cộng đồng thông qua phân tích SWOT

Qua phân tích SWOT cho thấy việc khai thác di sản nghi lễ của người Dao trong phát triển du lịch cộng đồng mang lại nhiều lợi thế nhưng cũng tiềm ẩn không ít rủi ro. Vì vậy, để phát triển bền vững, cần xây dựng các mô hình du lịch gắn với bảo tồn, chú trọng vai trò chủ thể của cộng đồng, đồng thời kết hợp giữa truyền thống – hiện đại, giữa bảo tồn – phát triển trong một hệ sinh thái du lịch có trách nhiệm.

3.3.1. Tận dụng điểm mạnh để khai thác cơ hội

Với lợi thế nổi bật về giá trị văn hóa độc đáo và tính diễm xướng cao của các nghi lễ, dân ca người Dao, cộng đồng hoàn toàn có khả năng tận dụng xu hướng du lịch văn hóa – trải nghiệm ngày càng phát triển để hình thành những sản phẩm du lịch mới mẻ và chất lượng. Các chương trình trình diễn, mô phỏng nghi lễ Cấp sắc, hay hoạt động “đêm văn hóa Dao” có thể được thiết kế theo hướng vừa đảm bảo giá trị nghệ thuật – thiêng liêng, vừa đáp ứng nhu cầu khám phá của du khách. Cùng với đó, lợi thế về cảnh quan bản làng nguyên sơ và không gian kiến trúc truyền thống cho phép địa phương xây dựng các “Không gian văn hóa Dao” – nơi kết hợp trưng bày, trình diễn và trải nghiệm – nhằm tăng tính hấp dẫn của điểm đến.

Ngoài ra, bối cảnh du lịch học thuật và du lịch chữa lành đang phát triển mạnh là cơ hội tốt để khai thác tri thức thảo dược, tri thức dân gian, nghệ thuật diễm xướng của người Dao trong các tour dài ngày dành cho chuyên gia, sinh viên hoặc nhóm khách muốn tìm hiểu sâu văn hóa. Việc đẩy mạnh số hóa di sản thông qua cơ sở dữ liệu số, QR-code, tour ảo 360° cũng giúp mở rộng thị trường truyền thông và nâng cao khả năng tiếp cận di sản Dao đối với công chúng rộng rãi hơn. Đây là hướng đi vừa đảm bảo bảo tồn giá trị văn hóa, vừa tạo lợi thế cạnh tranh so với các điểm du lịch cộng đồng khác trong khu vực.

3.3.2. Khắc phục điểm yếu bằng cách tận dụng cơ hội

Nhiều hạn chế trong khai thác di sản của người Dao – như thiếu nhân lực kế cận, trình độ thuyết minh còn hạn chế, hay hạ tầng du lịch chưa đồng bộ – có thể được khắc phục nếu biết tận dụng các chương trình hỗ trợ của Nhà nước và sự tham gia của các cơ sở giáo dục – nghiên cứu. Việc mở các lớp truyền dạy cho thanh niên (về hát dân ca, nhạc lễ, nghi lễ) dưới sự bảo trợ của các dự án văn hóa hoặc trường đại học giúp tạo nguồn lực kế cận bền vững, góp phần chống nguy cơ thất truyền tri thức. Đồng thời, tổ chức các khóa tập huấn về nghiệp vụ du lịch, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kể chuyện văn hóa cho cộng đồng sẽ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch và giảm phụ thuộc vào doanh nghiệp bên ngoài.

Bên cạnh nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng du lịch cũng có thể được hoàn thiện nhờ tận dụng các nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình Mục tiêu Quốc gia, chương trình OCOP hoặc các dự án phát triển bản làng. Đây là cơ hội để xây dựng nhà cộng đồng, sân trình diễn nhỏ, lối đi tham quan hoặc khu trải nghiệm văn hóa. Sự liên kết với doanh nghiệp du lịch cũng giúp đa dạng hóa sản phẩm và chuyên nghiệp hóa dịch vụ trong khi cộng đồng vẫn giữ được vai trò chủ thể thực hành và khai thác di sản.

3.3.3. Tận dụng điểm mạnh để hạn chế thách thức

Các thách thức như nguy cơ thương mại hóa, sai lệch nghi lễ, hay áp lực du khách lên không gian bản làng có thể được giảm thiểu nhờ thế mạnh về tri thức văn hóa sâu sắc của nghệ nhân và sự cố kết cộng đồng Dao. Việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử, bộ chuẩn trình diễn di sản và phân loại rõ ràng giữa nghi lễ thiêng – nghi lễ trình diễn sẽ giúp cộng đồng kiểm soát chất lượng, tránh làm biến dạng di sản. Sự hiểu biết của thầy cúng, nghệ nhân sẽ là nền tảng để đảm bảo nội dung trình diễn phù hợp, không vi phạm tính thiêng.

Cộng đồng người Dao vốn có truyền thống cố kết, vì vậy có thể phát huy điểm mạnh này để xây dựng mô hình “du lịch cộng đồng dựa vào cộng đồng làm chủ”, trong đó việc quản lí, phân chia lợi ích, ra quyết định xoay quanh hoạt động du lịch đều do cộng đồng thống nhất. Điều này giúp giảm nguy cơ doanh nghiệp thao túng hoặc định hướng sai lệch. Đồng thời, cần phát triển các sản phẩm văn hóa đặc thù cho từng bản nhằm tránh cạnh tranh trùng lặp: bản này tập trung nghi lễ cưới, bản khác phát triển sản phẩm thảo dược Dao Đỏ... Sự phân vai rõ ràng giúp các điểm đến tạo bản sắc riêng, tăng lợi thế cạnh tranh bền vững.

3.3.4. Giảm thiểu điểm yếu và hạn chế tác động tiêu cực

Những điểm yếu nội tại như thiếu nhân lực, hạn chế kỹ năng du lịch, dễ xảy ra sai lệch nghi lễ, kết hợp với thách thức bên ngoài như áp lực du khách hay nguy cơ thất truyền tri thức, đòi hỏi phải có những giải pháp bảo vệ mang tính nền tảng. Việc tư liệu hóa và số hóa di sản - ghi âm, ghi hình nghi lễ, sưu tầm sách cổ, xây dựng thư viện số - là giải pháp quan trọng để bảo vệ di sản trước nguy cơ mai một. Đây cũng là nguồn dữ liệu quý phục vụ đào tạo thế hệ trẻ và hỗ trợ thuyết minh trong du lịch.

Bên cạnh đó, cần có cơ chế kiểm soát hoạt động du lịch để hạn chế tác động tiêu cực từ du khách, như giới hạn số lượng khách theo khung giờ, bảo vệ khu vực thiêng cấm chụp ảnh, hoặc quy định rõ nguyên tắc tham quan. Việc tạo sinh kế gắn với di sản cho thanh niên – qua mô hình hướng dẫn viên bản địa, homestay, sản phẩm OCOP – là giải pháp giúp giữ chân lực lượng lao động trẻ tại bản, tránh nguy cơ “chảy máu văn hóa”. Một điểm quan trọng là phải giảm phụ thuộc vào doanh nghiệp và tăng tính tự chủ của cộng đồng trong khai thác di sản là yêu cầu quan trọng. Cộng đồng có thể tự quản tour, bán sản phẩm trực tuyến hoặc xây dựng nền tảng quảng bá riêng, giúp tăng khả năng tự quyết và bảo vệ bản sắc văn hóa.

3.4. Các giải pháp bảo tồn, phát huy nghi lễ người Dao ở Tây Bắc Việt Nam thông qua hoạt động du lịch cộng đồng

* Tư liệu hóa và số hóa – giải pháp nền tảng cho bảo tồn bền vững

Một trong những giải pháp quan trọng nhất để bảo tồn di sản nghi lễ của người Dao trong thời đại công nghệ số là tiến hành tư liệu hóa và số hóa toàn diện. Việc ghi âm, quay phim các nghi lễ như Cặp sách, cưới xin, cúng bản, cùng quá trình sưu tầm và số hóa sách cổ, truyện kể, hệ thống nhạc lễ cần tiến hành có chọn lọc để tạo nên nguồn dữ liệu quý giá, giúp tri thức bản địa được lưu giữ một cách xác thực, khoa học và bền vững. Những tư liệu này cần được tổ chức thành một cơ sở dữ liệu số mở, tích hợp các dạng nội dung văn bản, âm thanh, hình ảnh, bản dịch chú giải để cộng đồng, nhà nghiên cứu và du khách có thể tiếp cận dễ dàng. Số hóa không chỉ giúp bảo tồn mà còn tạo nguồn học liệu phục vụ thuyết minh trong du lịch lễ hội – nghi lễ, đào tạo nhân lực và nâng cao sự lan tỏa của văn hóa Dao trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

* Truyền dạy và đào tạo thế hệ kế cận – khôi phục dòng chảy văn hóa

Bên cạnh việc lưu trữ tư liệu, việc truyền dạy văn hóa truyền thống và nghi lễ cho thế hệ trẻ người Dao có ý nghĩa quyết định trong bảo tồn di sản. Cần tăng cường hơn nữa việc tổ chức các lớp học dành cho thanh niên trong bản, bao gồm học hát dân ca, học nhạc lễ, học thực hành một số nghi thức và tìm hiểu chữ Dao cổ. Các lớp đào tạo này nên được triển khai tại địa bàn nơi người Dao sinh sống, dưới sự hướng dẫn của nghệ nhân và thầy cúng lớn tuổi kết hợp với sự hỗ trợ chuyên môn của các chuyên gia và cơ quan văn hóa. Việc lồng ghép tri thức nghi lễ vào các chương trình giáo dục địa phương, câu lạc bộ văn nghệ hoặc hoạt động trải nghiệm của học sinh

giúp tạo môi trường thực hành tự nhiên và khuyến khích người trẻ tham gia gìn giữ văn hóa. Khi thanh niên có thể học và tham gia vào hoạt động du lịch cộng đồng, họ không chỉ tiếp nối truyền thống mà còn có thêm sinh kế, góp phần giữ họ ở lại bản và duy trì bản sắc.

** Chuẩn hóa trình diễn – đảm bảo tính thiêng và tính nguyên gốc*

Để khai thác di sản nghi lễ người Dao trong du lịch mà không làm biến dạng bản sắc, việc chuẩn hóa nội dung trình diễn là điều mà người Dao và các cấp chính quyền cần quan tâm, ưu tiên thực hiện. Các nhà khoa học và nghệ nhân người Dao cần phải phối hợp, nghiên cứu phân định rõ ràng giữa nghi lễ thiêng – được giữ nguyên bản, không trình diễn cho du khách – và các yếu tố có thể đưa vào du lịch như các đoạn trích lễ cưới, hát dân ca hoặc mô phỏng lễ Cấp sắc. Trên cơ sở này, cơ quan quản lý văn hóa cần xây dựng bộ chuẩn trình diễn di sản bao gồm: kịch bản, trang phục, đạo cụ, nhạc lễ, lời thuyết minh và quy tắc ứng xử dành cho cả người biểu diễn và du khách. Sự chuẩn hóa này giúp đảm bảo tính chính xác của nội dung văn hóa, tránh nguy cơ thương mại hóa, đồng thời tạo ra sản phẩm du lịch có chất lượng, có chiều sâu và thể hiện sự tôn trọng đối với di sản của người Dao.

** Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng dựa trên tri thức và di sản văn hóa*

Di sản nghi lễ và dân ca của người Dao có tiềm năng lớn để phát triển thành các sản phẩm du lịch trải nghiệm, giáo dục và chữa lành. Trên cơ sở đó, cần xây dựng các tour du lịch chuyên đề như “Một ngày làm người Dao”, “Khám phá văn hóa nghi lễ Dao”, “Tìm hiểu lễ Cấp sắc qua mô phỏng”. Song song, cần xây dựng “Không gian văn hóa Dao” tại mỗi bản du lịch, nơi kết hợp trưng bày, sân khấu diễn xướng nhằm tăng tính trải nghiệm cho du khách. Các sản phẩm du lịch học thuật – dành cho sinh viên, nhà nghiên cứu – và du lịch trị liệu gắn với thảo dược Dao Đỏ cũng là hướng đi giàu tiềm năng. Việc phát triển sản phẩm dựa trên tri thức bản địa và câu chuyện văn hóa giúp du khách tiếp cận văn hóa Dao một cách chân thực, sâu sắc, đồng thời tạo ra nguồn thu bền vững cho cộng đồng.

** Nâng cao năng lực du lịch cho cộng đồng – chuyên nghiệp hóa hoạt động du lịch*

Để khai thác di sản hiệu quả, cộng đồng người Dao cần được nâng cao năng lực về nghiệp vụ du lịch và kỹ năng thuyết minh. Các lớp tập huấn tại các điểm du lịch nơi nhiều người Dao sinh sống, như Hồ Thầu (Tam Đường – Lai Châu), Phăng Xô Lin (Sìn Hồ - Lai Châu), Tả Phìn, Tòng Sành, Nậm Mười, Ngòi Tu (tỉnh Lào Cai)... cần tập trung vào kỹ năng tiếp đón du khách, kể chuyện văn hóa, dẫn tour, tổ chức sự kiện văn hóa và an toàn du lịch. Một trong những giải pháp quan trọng là xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên bản địa am hiểu văn hóa Dao để đảm nhận các tour trải nghiệm chuyên sâu. Việc nâng cao năng lực cộng đồng không chỉ giúp sản phẩm du lịch chuyên nghiệp hơn mà còn tăng thu nhập, củng cố vai trò chủ động của người dân trong phát triển du lịch cộng đồng.

** Tổ chức mô hình quản lý du lịch cộng đồng dựa vào cộng đồng làm chủ*

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, cần thiết lập mô hình tổ chức và quản lý du lịch cộng đồng theo hướng cộng đồng tự quyết định. Tổ tự quản hoặc Ban quản lý cần được thành lập tại mỗi bản làng Dao, có nhiệm vụ điều phối hoạt động du lịch, bảo vệ di sản, giám sát trình diễn, phân chia lợi ích minh bạch và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến không gian thiêng. Nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng tại Hợp tác xã thuốc tẩm Dao Đỏ tại xã Tả Phìn (Lào Cai), hiện đang hoạt động rất hiệu quả. Ở đây, mọi công việc từ bố trí nhân lực lao động ở các khâu đón - tiếp khách, tổ chức các nghi lễ văn hóa liên quan đến nghề thuốc, quản lý nguồn thảo dược tự nhiên và trồng mới... đến việc phân chia lợi nhuận thu được đều do cộng đồng người Dao địa phương cùng bàn bạc, thống nhất. Có thể thấy, khi cộng đồng làm chủ việc quản lý, các quyết định liên quan đến nghi lễ, dân ca và hoạt động du lịch sẽ tôn trọng bản sắc và ưu tiên lợi ích của người dân, từ đó tạo nền tảng cho phát triển bền vững và giảm nguy cơ doanh nghiệp thao túng hay khai thác quá mức.

** Bảo vệ không gian thiêng và kiểm soát tác động của du khách*

Không gian thiêng là yếu tố quan trọng của nghi lễ người Dao, nhưng lại dễ bị tổn thương khi du lịch phát triển. Vì vậy, cần xây dựng các quy định rõ ràng về vùng cấm quay phim, vùng cấm chụp ảnh, lộ trình tham quan và những nguyên tắc ứng xử khi du khách tiếp cận khu vực thờ

cúng, làm lễ. Ví dụ trong nghi lễ Cấp sắc những nội dung liên quan tới truyền dạy phép thuật giữa thầy cúng và học trò được tổ chức trên rừng rậm, trong đêm khuya cần được bảo vệ, du khách không tự tiện đi theo thăm quan hoặc quay phim, chụp ảnh; những nơi thờ cúng các vị Tam Thanh, Tam Nguyên và Ngọc Hoàng, Đệ Mẫu,... người Dao kiêng không cho nữ giới đi vào thì khách du lịch là nữ cần được nhắc nhở trước khi thăm quan tìm hiểu nghi lễ,... Đồng thời, có thể giới hạn số lượng khách tham quan theo ngày, thiết lập biển chỉ dẫn văn hóa, bố trí lối đi riêng để tránh xâm phạm không gian sinh hoạt của người dân. Cơ chế giám sát cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rằng du khách luôn tôn trọng văn hóa bản địa và các hoạt động du lịch không làm ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của cộng đồng.

** Gắn bảo tồn di sản với phát triển sinh kế cho người dân*

Để bảo tồn thực chất và lâu dài nghi lễ của người Dao, văn hóa phải trở thành nguồn lực kinh tế trực tiếp cho người dân. Vì vậy, đi đôi với việc phát huy các nghi lễ phục vụ phát triển du lịch, cần thúc đẩy phát triển các sản phẩm OCOP mang đặc trưng văn hóa Dao như thảo dược tắm, giấy bản, trang phục, thổ cẩm... Đồng thời, khuyến khích cộng đồng phát triển dịch vụ homestay, ẩm thực Dao, trình diễn nghệ thuật và bán đồ lưu niệm mang bản sắc văn hóa Dao. Khi người dân thu được lợi ích từ di sản, họ sẽ tích cực hơn trong việc tham gia bảo tồn, truyền dạy và duy trì các thực hành văn hóa truyền thống.

** Tăng cường liên kết “Nhà nước – Nhà trường – Cộng đồng – Doanh nghiệp”*

Một hệ sinh thái bảo tồn – du lịch bền vững đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa bốn chủ thể. Các chính sách của Đảng, Nhà nước cần được triển khai một cách phù hợp và hiệu quả tại các điểm du lịch là thôn/bản của cộng đồng người Dao, sao cho bản sắc văn hóa nói chung và các nghi lễ của tộc người này được bảo tồn trong quá trình khai thác phục vụ phát triển du lịch. Các nhà trường và viện nghiên cứu đảm nhiệm vai trò số hóa, tư liệu hóa, hỗ trợ tập huấn đào tạo nhân lực và tư vấn về dịch vụ du lịch cũng như các kỹ năng khai thác di sản văn hóa Dao. Cộng đồng người Dao là trung tâm – chủ nhân đích thực của di sản cần được hưởng những quyền và lợi ích xứng đáng. Các doanh nghiệp đóng vai trò kết nối thị trường, truyền thông và xây dựng sản phẩm du lịch, đưa du khách tới trải nghiệm các di sản văn hóa người Dao. Sự liên kết chặt chẽ này giúp tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo rằng các hoạt động du lịch luôn gắn với bảo tồn văn hóa một cách bền vững.

4. Kết luận

Di sản nghi lễ của người Dao ở Tây Bắc Việt Nam là một kho tàng văn hóa quý báu, mang giá trị lịch sử, nghệ thuật và tâm linh sâu sắc, đồng thời phản ánh hệ thống tri thức bản địa phong phú của cộng đồng. Trong bối cảnh hiện đại hóa và biến đổi kinh tế – xã hội hiện nay, di sản này đang đứng trước nhiều nguy cơ mai một, đứt gãy truyền nối và thương mại hóa. Sự phát triển mạnh mẽ của du lịch cộng đồng ở các địa phương người Dao sinh sống đã mở ra một hướng tiếp cận mới, nơi bảo tồn văn hóa có thể đồng hành cùng phát triển kinh tế dựa trên sự tham gia chủ động của cộng đồng.

Kết quả phân tích cho thấy việc bảo tồn di sản nghi lễ người Dao thông qua du lịch cộng đồng là hoàn toàn khả thi khi được thực hiện trên nền tảng tôn trọng bản sắc, tăng cường năng lực cho cộng đồng và đặt người dân vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển. Những mô hình như tư liệu hóa – số hóa, chuẩn hóa trình diễn, đào tạo thể hệ kế cận, xây dựng không gian văn hóa Dao, phát triển sản phẩm du lịch đặc thù và quản lý du lịch dựa vào cộng đồng đã chứng minh khả năng tạo ra giá trị kép: vừa gìn giữ di sản, vừa tạo sinh kế cho người dân. Đồng thời, sự liên kết giữa Nhà nước – Nhà trường – Cộng đồng – Doanh nghiệp đảm bảo hệ sinh thái bảo tồn được vận hành đồng bộ, bền vững và có khả năng thích ứng trước các thách thức của thị trường du lịch.

Nhìn chung, bảo tồn di sản nghi lễ của người Dao ở Tây Bắc Việt Nam thông qua du lịch cộng đồng không chỉ là giải pháp quan trọng nhằm gìn giữ bản sắc văn hóa, mà còn là chiến lược phát triển bền vững cho các địa phương miền núi, góp phần nâng cao đời sống của cộng đồng, lan tỏa giá trị văn hóa tới xã hội, đồng thời tạo dựng hình ảnh du lịch đặc sắc của vùng đất người Dao trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Lời cảm ơn

Bài viết là một trong các sản phẩm của Dự án: “Bảo tồn nghi lễ và dân ca nghi lễ của người Dao” mã số VINIL09.2022.DA04, do Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup – Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. H. Tran, “Maternal care practices of the Dao people in Yen Bai,” *Ethnology Review*, no. 2, pp. 78–83, 2000.
- [2] Q. H. Pham, “Some childbirth and child-rearing customs of the Dao people in Ha Giang,” *Journal of Women’s Studies*, no. 3, pp. 18-24, 1998.
- [3] T. D. Tran, “The Dao Tuyen’s practices of praying for children and adopting children in Lao Cai,” In *Folk Culture Bulletin 2006*. Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2006, pp. 329–337.
- [4] T. H. Phan, “The initiation (cap sac) ritual and funeral practices of the Dao Tuyen in Bao Thang District, Lao Cai Province,” Master’s Thesis, Thai Nguyen University of Education, 2010.
- [5] N. K. Phan, *The cap sac initiation ritual of the Dao Lo Gang*. Culture and Information Publishing House, Hanoi, 2003.
- [6] H. S. Ly, “The cap sac initiation ritual and cultural identity of the Dao,” *Ethnology Review*, no. 3, pp. 13–23, 2002.
- [7] M. H. Nguyen, *Wedding rituals of the Nga Hoang Dao group*. Culture and Information Publishing House, Hanoi, 2013.
- [8] K. P. Tan, *Rituals in weddings and funerals of the Dao Khau in Sin Ho, Lai Chau*. Culture and Information Publishing House, Hanoi, 2012.
- [9] V. L. Chao, *Funerary rituals of the Dao Tuyen in Lao Cai*. Manuscript archived at the Office of the Vietnam Folk Arts Association, 2014.
- [10] Q. C. Chu, “Funeral practices of the Dao Ho in Son Ha commune, Bao Thang district, Lao Cai province,” *Ethnicity and Era Journal*, no. 119, pp. 5-7, 2008.
- [11] H. S. Ly, “Funeral rituals of the Dao Tien in Ba Be, Cao Bang,” *Ethnology Review*, no. 4, pp. 46–55, 1996.
- [12] H. B. Vi, “The Tet Dance Festival (Giang Chau Dao) of the Red Dao in Sa Pa,” *Ethnology Review*, no. 1, pp. 54–60, 1998.
- [13] T. U. Dam and T. H. V. Mai, “The Tet Dance Festival of the Quan Chet Dao in the context of tourism development in Thai Nguyen Province,” *Ethnology Review*, no. 3, pp. 81–88, 2019.
- [14] D. C. Bui, “Rituals associated with the forest among the Red Dao in Lao Cai,” *Folk Culture Journal*, no. 2, pp. 15–22, 2014.
- [15] H. S. Ly, “Conserve and promote the value of ritual heritage of the Dao people in our country today,” *Traditional Culture and Development*, vol. 8, no. 1, pp. 119-125, 2019, doi: 10.25073/0866-773X/275.
- [16] T. B. Hoang, “Enhancing cultural heritage values associated with sustainable tourism development among the Red Dao people in Ta Phin village (Lao Cai province),” *Journal of Culture and Arts*, 2023. [Online]. Available: https://vanhoanghethuat.vn/phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-gan-voi-phat-trien-du-lich-ben-vung-cua-nguoi-dao-do-ban-ta-phin-lao-cai.htm?utm_source=chatgpt.com. [Accessed July 10, 2025].
- [17] H. S. Tran, T. O. Dang, V. T. Nguyen *et al.*, *Ritual Practices and Ritual Folk Songs of the Dao People in Vietnam*, vol. 1. Hong Duc Publishing House, 2025.
- [18] H. L. Trieu, “The story of Dang Hanh and Ban Dai Ho (A translation from the Dao language into Vietnamese),” *Journal of Ethnology*, no. 2, pp. 82–89, 1974.
- [19] H. L. Trieu, *Dao Folk Songs*. Ethnic Culture Publishing House, Hanoi, 1990.
- [20] T. G. Ngoc, “Igration of the Dao People to Southwestern China’s Border Regions and Several Southeast Asian Countries during the Ming and Qing Periods,” *Journal of Ethnology*, no. 6, pp. 59–68, 2008.
- [21] T. G. Ngoc, “A retrospective and prospects on Dao (Yao) studies in China since the reform and opening-up period,” *Journal of Ethnology*, no. 2, pp. 59–68, 2010.
- [22] J. Lemone, *Dao Religious Paintings*, Bang Koc, Thailand, 1982.
- [23] S. Jennifer, “The Transformation of the Political Ecology of the Dao (Yao) People: Settlement Areas, Gender, and the Political Environment in Vietnam’s Highland Regions,” PhD Dissertation, University of California, 2004.
- [24] G. Condominas, “The First French Publications on the Yao,” In *The Yao of South China – Pangu*, Editions l’A.F.E.Y.27 rue Damesme.75013 Paris, 1991, pp. 577-588.